



飛達田徑會

飛達新苗田徑錦標賽 2019

男子 2015 年組 - 20米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	FUNG CHING HONG LEWIS	馮正匡	489	6.12"	
2	1 - 4	NG CHUNG HEI	吳仲熹	491	6.16"	
3	1 - 2	CHAU YAN CHIT	鄒欣哲	535	7.04"	
4	1 - 3	CHIU HOI LUN	招海崙	487	7.06"	
5	1 - 6	WONG YAT HEI HAYDEN	黃一晞	492	7.29"	
6	1 - 8	MA JUN	馬臻	490	8.49"	
7	1 - 7	AU YEUNG HO SHUN	歐陽濤	486	8.72"	
8	1 - 1	LAU YI YANIS	劉懿	550	13.06"	



飛達田徑會

飛達新苗田徑錦標賽 2019

男子 2015 年組 - 30米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 3	NG CHUNG HEI	吳仲熹	491	8.70"	
2	1 - 5	FUNG CHING HONG LEWIS	馮正匡	489	9.23"	
3	1 - 6	CHONG KWAN CHEUNG	莊鈞翔	488	9.31"	
4	1 - 8	CHAU YAN CHIT	鄒欣哲	535	10.01"	
5	1 - 7	CHIU HOI LUN	招海崙	487	10.90"	
6	1 - 4	MA JUN	馬臻	490	11.29"	
7	1 - 1	AU YEUNG HO SHUN	歐陽澔	486	13.89"	
	1 - 2	LAU YI YANIS	劉懿	550	DNS	



飛達田徑會

飛達新苗田徑錦標賽 2019

男子 2015 年組 - 立定跳遠 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	NG CHUNG HEI	吳仲熹	491	0.73 m.	
2	1 - 2	CHIU HOI LUN	招海崙	487	0.59 m.	0.00m.
3	1 - 1	MA JUN	馬臻	490	0.58 m.	0.32m.
4	1 - 3	WONG YAT HEI HAYDEN	黃一晞	492	0.45 m.	
5	1 - 5	CHAU YAN CHIT	鄒欣哲	535	0.44 m.	
6	1 - 6	AU YEUNG HO SHUN	歐陽浩	486	0.19 m.	



飛達田徑會

飛達新苗田徑錦標賽 2019

男子 2015 年組 - 擲豆袋 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	NG CHUNG HEI	吳仲熹	491	3.82 m.	
2	1 - 3	CHIU HOI LUN	招海崙	487	2.96 m.	
3	1 - 4	AU YEUNG HO SHUN	歐陽澔	486	2.62 m.	
4	1 - 2	WONG YAT HEI HAYDEN	黃一晞	492	1.96 m.	